

Số: 2945/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2972/QĐ-BNN-CN ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2869/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai.



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4729/TTr-SNN ngày 01 tháng 10 năm 2024,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này các quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

- Cấp tỉnh ban hành mới 04 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi mã: 1.012832; 1.012833; 1.012834; 1.012835.

- Cấp huyện ban hành mới 02 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi mã: 1.012836; 1.012837.

(Quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính kèm theo).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tiếp nhận thủ tục hành chính theo quy định.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cấu hình quy trình điện tử đối với những thủ tục hành chính được phê duyệt theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND các huyện, thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KTN, KGVX, HCC, Công TTĐT tỉnh.



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng





**QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI  
BAN HÀNH LĨNH VỰC CHĂN NUÔI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG  
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP  
VÀ PTNT TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024  
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**I. Lĩnh vực chăn nuôi**

**1. Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công (1.012832)**

a. Thời hạn giải quyết: 15 ngày

b. Lưu đồ giải quyết:

| Nội dung công việc   | Đơn vị thực hiện  | Thời gian giải quyết (ngày) |
|--|---|-----------------------------|
| Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển đơn vị xử lý   | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT | 0,5                         |
| Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý  | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y                               | 0,5                         |
| Thẩm định, giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể) | Phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y                      | 12                          |
| Ký và chuyển hồ sơ trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp   | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y                               | 0,5                         |
| Ký duyệt và chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT           | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT                                   | 1                           |
| Nhận kết quả và chuyển cho tổ chức/cá nhân   | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT | 0,5                         |

**2. Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công (1.012833)**

a. Thời hạn giải quyết: 32 ngày

b. Lưu đồ giải quyết:

| Nội dung công việc  |   | Đơn vị thực hiện  | Thời gian giải quyết (ngày) |
|---|---|---|-----------------------------|
| Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển đơn vị xử lý  | → | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT | 0,5                         |
| Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý   | → | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y                               | 0,5                         |
| Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i> | → | Phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y                      | 18,5                        |
| Ký và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Sở  | → | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y                               | 0,5                         |
| Ký duyệt và chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT                  | → | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT                                   | 1                           |
| Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về VP.UBND tỉnh   | → | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT | 0,5                         |
| VP.UBND tỉnh giải quyết hồ sơ   | → | VP.UBND tỉnh  | 10                          |
| Nhận kết quả và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân  | → | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT | 0,5                         |



**3. Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước(1.012834)**

a. Thời hạn giải quyết: 20 ngày

b. Lưu đồ giải quyết:

| Nội dung công việc  |   | Đơn vị thực hiện  | Thời gian giải quyết (ngày) |
|---|---|---|-----------------------------|
| Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển đơn vị xử lý  | → | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT | 0,5                         |
| Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý   | → | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y                               | 0,5                         |
| Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i> | → | Phòng Chăn nuôi - Chi cục Chăn nuôi và Thú y                      | 9,5                         |
| Ký và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Sở  | → | Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y                               | 0,5                         |
| Ký duyệt và chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT                  | → | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT                                   | 1                           |
| Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về VP.UBND tỉnh   | → | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT | 0,5                         |
| VP.UBND tỉnh giải quyết hồ sơ   | → | VP.UBND tỉnh  | 7                           |
| Nhận kết quả và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân  | → | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng sở Nông nghiệp và PTNT | 0,5                         |

**4. Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi (1.012835)**

a. Thời hạn giải quyết: 15 ngày.

b. Lưu đồ giải quyết:

| <b>Nội dung công việc</b>   |   | <b>Đơn vị thực hiện</b>                  | <b>Thời gian giải quyết (ngày)</b> |
|---|---|--|------------------------------------|
| Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển đơn vị xử lý  | → | Trung tâm phục vụ Hành chính công        | 0,5                                |
| Luân chuyển hồ sơ   | → | Trung tâm phục vụ Hành chính công        | 0,5                                |
| Giải quyết hồ sơ<br><i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có thông báo cụ thể)</i> | → | Phòng<br>Ngân sách nhà nước, Lãnh đạo Sở | 12                                 |
| Chuyển Hồ sơ giải ngân đến Kho bạc Nhà nước. Thông báo chứng từ chuyển tiền và kết thúc hồ sơ.                    | → | Trung tâm phục vụ Hành chính công        | 2                                  |

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

### I. Lĩnh vực chăn nuôi

1. Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước (1.012836)

a. Thời hạn giải quyết: 90 ngày

b. Lưu đồ giải quyết:

| Nội dung công việc   |   | Đơn vị thực hiện  | Thời gian giải quyết (ngày) |
|--|---|---|-----------------------------|
| Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển đơn vị xử lý   | → | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thành phố      | 0,5                         |
| Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý  | → | Lãnh đạo UBND huyện, thành phố                                  | 0,5                         |
| Thẩm định, giải quyết hồ sơ ( <i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo trả lời và nêu rõ lý do</i> ) | → | Phòng Nông nghiệp/phòng Kinh tế thuộc UBND cấp huyện, thành phố | 87                          |
| Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả   | → | Lãnh đạo UBND huyện, thành phố                                  | 1,5                         |
| Nhận kết quả và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân   | → | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thành phố      | 0,5                         |



**2. Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước (1.012837)**

a. Thời hạn giải quyết: 40 ngày

b. Lưu đồ giải quyết:

| Nội dung công việc   | Đơn vị thực hiện  | Thời gian giải quyết (ngày) |
|--|---|-----------------------------|
| Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển đơn vị xử lý   | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thành phố      | 0,5                         |
| Nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý  | Lãnh đạo UBND huyện, thành phố                                  | 0,5                         |
| Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo trả lời và nêu rõ lý do)</i> | Phòng Nông nghiệp/phòng Kinh tế thuộc UBND cấp huyện, thành phố | 37                          |
| Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả   | Lãnh đạo UBND huyện, thành phố                                  | 1,5                         |
| Nhận kết quả và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân   | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thành phố      | 0,5                         |